



hǎi mián

海绵

Noun · sponge

Example Sentences

hǎi mián néng xī shuǐ

海绵能吸水。

A sponge can absorb water.

nǐ nán dào bù jué de zhè kuài chú fáng hǎi mián gāi huàn le ma

你难道不觉得这块厨房海绵该换了吗？

Don't you think it's time to replace this kitchen sponge?

wǒ yòng hǎi mián cā zhuō zi

我用海绵擦桌子。

I use a sponge to wipe the table.

Trace each character, then write the word on your own.

海	海	海	海	海	海	海	海	海	海	海
海	海									

绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵	绵
绵	绵	绵								